

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2021/HNGĐ-PT
Ngày 03-02-2021
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan;

Bà Phan Trịnh Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2020/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp về ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 920/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 229/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L; địa chỉ: Số 703/45, đường Q, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H; địa chỉ: Số 31, đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn - ông Nguyễn Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2020, lời khai của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc L thì: Bà và ông Nguyễn Minh H tự nguyện chung sống như vợ chồng từ ngày 01/02/2012, đến ngày 16/4/2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An theo Bản sao Trích lục kết hôn số 430/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 03/12/2019. Sau khi kết hôn, Bà và ông Nguyễn Minh H chung sống tại số 31,

đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó P sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên ăn nhậu cùng bạn bè và khi về nhà có lời lẽ đay nghiến, xem thường Bà; vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Bà và ông H đã ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu ly hôn ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là Nguyễn Hoàng P, giới tính: Nam, sinh ngày 24/12/2012. Bà đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông H không có tài sản chung, nợ chung.

Theo lời khai của bị đơn – ông Nguyễn Minh H thì: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2018 ngày 16/4/2018. Sau khi kết hôn, Ông và bà L chung sống tại số 31, đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn nghiêm trọng, không có bạo lực gia đình. Bà L bỏ nhà đi từ ngày 03/3/2019 đến nay, Ông không biết bà L đi đâu, làm gì. Bà L không chăm lo cho con. Ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà L vì Ông vẫn còn tình cảm với bà L.

Về con chung: Ông và bà L có 01 con chung là Nguyễn Hoàng P, giới tính: Nam, sinh ngày 24/12/2012. Nếu ly hôn, Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà L không có tài sản chung, nợ chung.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 920/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân quận Tân Phú quyết định:

“Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với ông Nguyễn Minh H, Quan hệ hôn nhân của bà L và ông H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2018 ngày 16/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 24/12/2012 cho ông Nguyễn Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi con chung trưởng thành, bắt đầu thực hiện từ tháng 10/2020”.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền, nghĩa vụ thăm nom con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức, phương thức cấp dưỡng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 15/10/2020, ông H kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con, nội dung kháng cáo: Mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đ là quá thấp so với thu nhập thực tế của bà L và mức sinh hoạt, học hành của con chung là 20.000.000 đ mỗi tháng nên Ông yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – ông Nguyễn Minh H trình bày: Ông đồng ý với xác nhận thu nhập của bà L là 7.900.000 đ mỗi tháng theo Giấy xác nhận thu nhập do bà Nguyễn Thị Ngọc L lập ngày 01/12/2020 có xác nhận của Chi nhánh số 02, Công ty Cổ phần Đ và đồng ý với bản án sơ thẩm về việc bà L phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đ mỗi tháng nhưng Ông không rút kháng cáo mà thay đổi nội dung kháng cáo: Ông không đồng ý ly hôn với bà L vì Ông vẫn còn tình cảm với bà L, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của Ông, không thập chứng cứ chứng minh thu nhập của bà L để làm cơ sở xem xét mức cấp dưỡng, nếu có thì Ông đã không kháng cáo.

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của ông H vì mức cấp dưỡng nuôi con mà ông H yêu cầu vượt quá khả năng của Bà, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên P biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông H trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Ông H xác nhận mức lương của bà L là 7.900.000 đ, đồng ý với việc bà L phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đ mỗi tháng như bản án sơ thẩm tuyên. Ông H thay đổi nội dung kháng cáo là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 284; Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Minh H kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đ. Căn cứ Lời khai của ông H, bà L về chi phí trung bình mỗi tháng cho con chung, các tài liệu do ông H cung cấp: Biên lai thu tiền ngày 14/12/2020, Phiếu thu ngày 01/10/2020 của Trung tâm BDVH N, Giấy nộp tiền ngày 25/12/2020 của Ngân hàng A, các Phiếu giao hàng ngày 02/12/2020, ngày 16/12/2020 của Cơ sở kinh doanh Nguyên liệu làm bánh B, hình chụp danh sách các khoản chi trong năm học 2020-2021 thì chi phí trung bình mỗi tháng cho con chung Nguyễn Hoàng P là 5.564.249 đ (nam triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm

bốn mươi chín đồng). Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập của bà L. Căn cứ Giấy xác nhận thu nhập do bà Nguyễn Thị Ngọc L lập ngày 01/12/2020 có xác nhận của Chi nhánh số 02, Công ty Cổ phần Đ thì hiện bà L đang làm việc tại Công ty với chức vụ Kế toán công nợ và mức lương trung bình mỗi tháng là 7.900.000 đ (bảy triệu chín trăm nghìn đồng) và tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cũng đồng ý với xác nhận thu nhập của bà L là 7.900.000 đ (bảy triệu chín trăm nghìn đồng) mỗi tháng và đồng ý với bản án sơ thẩm quyết định bà L phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đ (ba triệu đồng) mỗi tháng nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bà L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đ (ba triệu đồng) là phù hợp với chi phí sinh hoạt trung bình của con chung P, thu nhập của bà L và quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Ông H thay đổi kháng cáo có nội dung vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu sau khi đã hết thời hạn kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 1, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo – ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 148; Khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 82; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm:

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn ông Nguyễn Minh H.

1.2. Về việc nuôi con: Giao ông Nguyễn Minh H trực tiếp nuôi con chung – Nguyễn Hoàng P, giới tính: Nam, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2012.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng P, giới tính: Nam, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2012 mỗi tháng 3.000.000 đ (ba triệu đồng), bắt đầu từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi con chung Nguyễn

Hoàng P đã thành niên và không thuộc trường hợp: Mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung – Nguyễn Hoàng P.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Minh H cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị Ngọc L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Minh H không có.

1.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0070566 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0071198 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông Nguyễn Minh H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (TM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Minh